

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 293 /2017/HNGĐ -ST

Ngày : 20 – 12 – 2017

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Võ Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Việt Bằng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 771/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 878/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th ; Cư trú tại nhà không số, đường A, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh H.Có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn H; Cư trú tại nhà không số, đường A, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh H.Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1/ Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H; Cư trú tại số 34, đường G, Phường M, thành phố D, tỉnh H. Vắng mặt.

2/ Chi Hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh H – Do bà Phạm Thị M – chức vụ : Chi hội trưởng Chi Hội người cao tuổi khóm B, phường C,

thành phố D, tỉnh H làm đại diện ; Cư trú tại số 340, đường P, khóm B, phường C, thành phố D.xin vắng mặt.

3/ Nguyễn Thị T; cư trú tại khóm N, phường T, thành phố D, tỉnh H. xin vắng mặt.

4/ Nguyễn Thị Tr ; Cư trú tại khóm E, phường K, thành phố D, tỉnh H. xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Phương Th trình bày : Chị và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung : có 03 đứa tên : Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 25/7/1992; Nguyễn Thị Tú Q, sinh ngày 22/8/1995 và Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 27/4/2001. Hiện cháu Y và Q đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu T khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi – không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung : tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : có nợ Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H số tiền 18.000.000đ; nợ chi hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh H số tiền 10.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 21.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị Tr số tiền 7.000.000đ.

Đối với anh Nguyễn Văn H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, nhưng anh Hận khước từ không nhận và vắng mặt không rõ lý do nên đã tự tước đi quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì vậy vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

Đối với Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H (gọi tắt là ngân hàng). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo

về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, nhưng phía ngân hàng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên đã tự tước đi quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì vậy vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

Bà Phạm Thị M trình bày : vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương Th có vay của chi hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D, số tiền 10.000.000đ, nay chi hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D không yêu cầu đòi khoản nợ này, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Bà Nguyễn Thị T trình bày : Bà có cho vợ chồng Nguyễn Thị Phương Th mượn số tiền 21.000.000đ, nay số nợ này bà không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Bà Nguyễn Thị Tr trình bày : Bà có cho vợ chồng Nguyễn Thị Phương Th mượn số tiền 7.000.000đ, nay số nợ này bà không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng anh Nguyễn Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

Đối với bà Phạm Thị M đại diện Chi hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D; bà Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị T xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh H sống chung từ năm 1991, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký theo luật định, nay xét hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt và có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng .

3] Về con chung : có 03 đứa tên : Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 25/7/1992; Nguyễn Thị Tú Q, sinh ngày 22/8/1995 và Nguyễn Thị Tô T, sinh ngày 27/4/2001. Hiện cháu Y và Q đã trưởng thành, nay chị Th không có yêu cầu gì nên không đặt ra việc giải quyết. Riêng cháu T khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi. Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng việc nuôi con vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và theo quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, nên Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu T thì cháu xác định có nguyện vọng sống với mẹ khi chị Th và anh H ly hôn, vì vậy cần giao cháu T cho chị Th nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung : tự thỏa thuận nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về nợ chung : có nợ Chi hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh H số tiền 10.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 21.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị Tr số tiền 7.000.000đ. Nay các chủ nợ này không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Đối với số nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho phía ngân hàng, nhưng Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình về khoản nợ này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết mà tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác, nếu sau này Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H có yêu cầu.

Về án phí đương sự chịu theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn H

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Tô T, sinh ngày 27/4/2001 cho chị Th nuôi. Anh H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con : chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung : tự thỏa thuận nên không đặt ra việc xem xét giải quyết

- Về nợ chung: có nợ Chi hội người cao tuổi khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh H số tiền 10.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 21.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị Tr số tiền 7.000.000đ. Nay các chủ nợ không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Đối với số nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh H tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Th phải nộp 300.000đ. Ngày 02 tháng 10 năm 2017 chị đã dự nộp 300.000đ tại lai số 0003712 được giữ y sung quỹ nhà nước.

Chị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ

